TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **112/**2022/DS-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình;**
2. Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Trang;**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa***: không tham gia.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông Đỗ Hiếu B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp D, xã G, huyện A, Tiền Giang.

Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp E, xã H, huyện A, Tiền Giang.

Ủy quyền chị Đỗ Thị Thu I, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn H, huyện K, Tiền Giang.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 23/11/2021).

* **Bị đơn**: Ông Trần Minh M, sinh năm 1958 (có mặt)

Bà Phan Thuý N, sinh năm 1957 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: L, xã H, huyện A, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, đại diện uỷ quyền nguyên đơn ông Đỗ Hiếu B, bà Đỗ Thị C trình bày**:

Năm 2017 đến năm 2020 vợ chồng ông M, bà N có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc tại cửa hàng của ông B, bà C để chăn nuôi. Đến ngày 01/10/2020 ông M, bà N

cùng vợ chồng ông B, bà C tất toán sổ sách thì vợ chồng ông M, bà N còn nợ lại cửa hàng của ông B, bà C số tiền là 159.860.000 đồng và ông bà có ký tên xác nhận nợ. Nhiều lần ông B, bà C có đề nghị ông M, bà N trả tiền nhưng ông bà không thực hiện việc trả nợ. Nay ông B, bà C khởi kiện ông M, bà N phải trả cho vợ chồng ông số tiền 159.860.000 đồng và lãi từ ngày 01/10/2020 tạm tính đến ngày khởi kiện 23/12/2021 với lãi suất 0,83% là 18.575.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

***Theo ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N trình bày:**

Ông bà thống nhất thừa nhận vợ chồng ông có mua bán thức ăn gia súc với cửa hàng của ông B, bà C và còn nợ lại là 159.860.000 đồng, chúng tôi nợ tiền mua bán thức ăn chứ không có vay mượn tiền của ông B, bà C. Nay ông đồng ý trả số tiền 159.860.000 đồng nhưng hiện do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin theo phương thức như sau: Bắt đầu từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022 trả 10.000.000 đồng, cứ 03 tháng tiếp theo vợ chồng ông trả 10.000.000 đồng, khi nào có nhiều tiền hơn sẽ trả nhiều hơn và xin không tính lãi, trả khi nào hết số tiền 159.860.000 đồng.

*** Tại phiên tòa**, chị Đỗ Thị Thu I đại diện uỷ quyền của ông Đỗ Hiếu B, bà Đỗ Thị C vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Minh M, Phan Thuý N phải trả số tiền vốn 159.860.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 13/4/2022 là 18 tháng 13 ngày, lãi suất 0,83%/ tháng thành tiền 24.458.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Minh M trình bày, vợ chồng ông thống nhất số tiền nợ mua bán là 159.860.000 đồng, hiện có hoàn cảnh khó khăn, nợ nhiều người nên xin trả dần 03 tháng trả 10.000.000 đồng đến khi hết số tiền vốn, ông không đồng ý tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu B, bà Đỗ Thị C khởi kiện ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N thực hiện nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền mua bán 158.860.000 đồng và lãi suất nên xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự; quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2017 giữa ông B, bà C có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thức ăn gia súc với ông M, bà N. Đến ngày 01/10/2020 hai bên tất toán sổ sách thì ông M, bà N còn nợ lại ông B, bà C số tiền 159.860.000 đồng và ông M, bà N có ký xác nhận nợ. Kể từ ngày xác nhận nợ đến nay vợ chồng ông M, bà N không thực hiện việc trả tiền cho ông B, bà C mặc dù đã

được nhắc nhở nhưng ông M, bà N cố tình tránh né, nhưng vậy việc không trả tiền nợ mua bán của ông M, bà N đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B, bà C. Nay ông B, bà C khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N phải trả số tiền vốn 159.860.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 13/4/2022 là 18 tháng 13 ngày, lãi 0,83%/ tháng thành tiền 24.458.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 184.318.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N cho rằng ông bà thống nhất có mua bán thức ăn gia súc với cửa hàng của ông B, bà C và còn nợ lại là 159.860.000 đồng. Nay ông đồng ý trả số tiền 159.860.000 đồng nhưng hiện do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin theo phương thức như sau: Bắt đầu từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022 trả 10.000.000 đồng, cứ 03 tháng tiếp theo vợ chồng ông trả 10.000.000 đồng, khi nào có nhiều tiền hơn sẽ trả nhiều hơn và xin không tính lãi, trả khi nào hết số tiền 159.860.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Lời trình bày này của ông bà không có cơ sở vì khoản tiền mua bán này đã lâu, việc không trả tiền theo thoả thuận đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà C, vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán và tại phiên toà không được sự đồng ý của đại diện uỷ quyền của bà C, ông B, do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N phải có nghĩa vụ thực hiện trả cho ông B, bà C số tiền vốn 159.860.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 13/4/2022 là 18 tháng 13 ngày, lãi 0,83%/ tháng thành tiền 24.458.000 đồng. Tổng cộng là 184.318.000 đồng.

[4] Đối với bà Phan Thuý N có đơn xin vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 22/02/2022 ông M, bà N có đơn xin xét miễn án phí có hoàn cảnh khó khăn, lớn tuổi, do đó miễn án phí cho ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 430, Điều 305, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu B, bà Đỗ Thị C.

1. Buộc ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Hiếu B, bà Đỗ Thị C số tiền vốn 159.860.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm C mươi ngàn đồng), lãi là 18.575.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm bảy mươi

lăm ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 184.318.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười tám ngàn đồng).

Trường hợp ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N chậm thi hành án số tiền nêu trên cho ông B, bà C thì ông M, bà N phải trả cho ông B, bà C lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Minh M, bà Phan Thuý N.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Bà Phan Thuý N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDTTG.*
- *VKSNDHCG.*
- *Chi cục THADSHCG.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu.*

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng